

Số: **13** /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **28** tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2125/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 216/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số phân bổ vốn cao nhất.

6. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 3. Quy định chung về căn cứ tiêu chí phân bổ

1. Quy mô dân số; số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của huyện, thành phố căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 để tính hệ số.

2. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố căn cứ vào số liệu công bố tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 của Cục Thống kê tỉnh để tính hệ số.

3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi tại các huyện, thành phố căn cứ vào số liệu công bố tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Y tế để tính hệ số.

4. Số lượng tuyển sinh về đào tạo nghề trên địa bàn huyện nghèo căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tính hệ số.

5. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh để tính hệ số.

6. Địa bàn khó khăn (huyện nghèo) căn cứ theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 để tính hệ số.

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện. Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh sẽ xem xét trình HĐND tỉnh bố trí hỗ trợ vốn đối ứng cho các huyện, thành phố có tỷ lệ giải ngân cao.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Lao động - TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



**PHỤ LỤC 1: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI
HUYỆN NGHÈO THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**

Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để tổ chức thực hiện.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện	
- Dưới 10.000 hộ	0,15
- Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17
- Từ 15.000 hộ trở lên	0,2
2. Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Từ 50% đến dưới 55%	0,37
- Từ 55% trở lên	0,41
3. Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	
- Có xã biên giới	0,14
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
- Từ 20 xã trở lên	0,14

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho từng huyện

Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $A_i = Q.X_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo của tỉnh để thực hiện Dự án 1.

Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Cả giai đoạn bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho huyện. Hằng năm, tùy tình hình thực tế, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ cho phù hợp.

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN 2

Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau: $C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

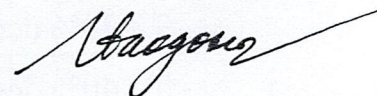
Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i) \times 2,5 + ĐV_i$ ($HN_i = 1$ nếu là huyện nghèo; $HN_i = 0$ nếu không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.



**PHỤ LỤC 3: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỔ CHO CÁC
HUYỆN, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN 3**

Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

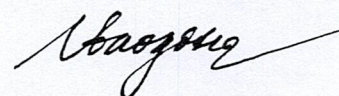
(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện để tổ chức thực hiện. Riêng thành phố Lai Châu không phân bổ để thực hiện nội dung này do không có nhu cầu thực hiện.

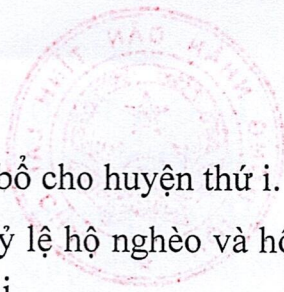
(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

(3) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $\text{Đ}_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$





Trong đó:

Δ_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i) \times 2,5 + \Delta V_i$ ($HN_i = 1$ nếu là huyện nghèo; $HN_i = 0$ nếu không phải huyện nghèo).

ΔV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
- Dưới 20%	1
- Từ 20% đến dưới 25%	1,2
- Từ 25% đến 30%	1,4
- Trên 30%	1,6

(3) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức: $E_i = Q.Y_i.DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố thứ i .

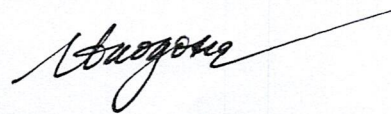
Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i) \times 3 + ĐV_i$ ($HN_i = 1$ nếu là huyện nghèo; $HN_i = 0$ nếu không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.



**PHỤ LỤC 4: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI HUYỆN,
THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN 4**

Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

(1) Đối với vốn đầu tư phát triển: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

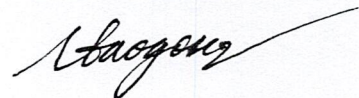
(2) Đối với vốn sự nghiệp:

* Phân bổ tối đa 60% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

* Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc Tiêu dự án 1, Dự án 4 để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6



3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
- Từ 150 người đến dưới 350 người/năm	0,5
- Từ 350 người/năm đến dưới 500 người/năm	0,6
- Từ 500 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức: $K_i = Q.X_i$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12.HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

HN_i là hệ số ưu tiên cho các huyện nghèo ($HN_i = 1$ nếu là huyện nghèo; $= 0$ nếu là các huyện, thành phố còn lại).

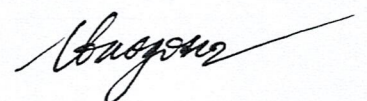
$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số (tối thiểu 40%) vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện các nội dung hỗ trợ Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình



để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện nghèo để tổ chức thực hiện.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện nghèo:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo	
- Từ 50% đến dưới 55%	0,37
- Từ 55% trở lên	0,41
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo	
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6

(3) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó: L_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện nghèo thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo thứ i .

Q là vốn bình quân cho huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

c) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

(1) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho cơ quan cấp tỉnh tổ chức thực hiện.

(2) Đối với vốn sự nghiệp:

* Cấp tỉnh: Phân bổ 40% vốn ngân sách trung ương để tổ chức thực hiện.

* Cấp huyện: Phân bổ 60% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thành phố	
- Dưới 20.000 lao động	1
- Từ 20.000 đến dưới 30.000 lao động	1,3
- Từ 30.000 đến dưới 40.000 lao động	1,6
- Từ 40.000 đến dưới 50.000 lao động	1,9
- Từ 50.000 lao động trở lên	2,2

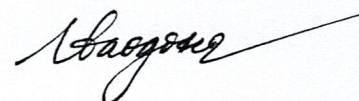
Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .



X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .


Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số 60% vốn ngân sách trung ương phân bổ còn lại (sau khi phân bổ 40% cho cấp tỉnh) để thực hiện nội dung Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.



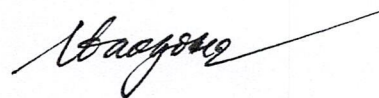


**PHỤ LỤC 5: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI
HUYỆN NGHÈO THỰC HIỆN DỰ ÁN 5**

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân huyện nghèo.

b) Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.





PHỤ LỤC 6: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI HUYỆN THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN 6

Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương để tổ chức thực hiện.

b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

(1) Cấp tỉnh: Phân bổ 40% vốn ngân sách trung ương để tổ chức thực hiện.

(2) Cấp huyện: Phân bổ 60% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Tỷ lệ dưới 10%	0,1
- Tỷ lệ từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Tỷ lệ từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Tỷ lệ từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Tỷ lệ từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

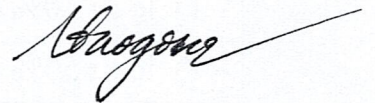
X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số 60% vốn ngân sách trung ương phân bổ còn lại (sau khi phân bổ 40% cho cấp tỉnh) để thực hiện nội dung Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.



**PHỤ LỤC 7: TIÊU CHÍ VÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ ĐỐI VỚI HUYỆN,
THÀNH PHỐ THỰC HIỆN DỰ ÁN 7**

Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **13** /2022/NQ-HĐND ngày **28** /6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

a) Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

(1) Cấp tỉnh: Phân bổ 30% vốn ngân sách trung ương để tổ chức thực hiện.

(2) Cấp huyện: Phân bổ 70% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức triển khai, thực hiện.

Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

Handwritten signature

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số 70% vốn ngân sách trung ương phân bổ còn lại (sau khi phân bổ 30% cho cấp tỉnh) để thực hiện nội dung Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7 của Chương trình.

b) Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

(1) Cấp tỉnh: Phân bổ 50% vốn ngân sách trung ương để tổ chức thực hiện.

(2) Cấp huyện: Phân bổ 50% vốn ngân sách trung ương cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 30%	0,4
- Từ 30% đến dưới 40%	0,5
- Từ 40% đến dưới 50%	0,6
- Từ 50% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	



- Dưới 1.000 hộ	0,1
- Từ 1.000 đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,45
- Từ 7.000 đến dưới 10.000 hộ	0,5
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Dưới 10 xã	0,5
- Từ 10 xã đến dưới 13 xã	1,15
- Từ 13 xã đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số 50% vốn ngân sách trung ương phân bổ còn lại (sau khi phân bổ 50% cho cấp tỉnh) để thực hiện nội dung Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 7 của Chương trình.